

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2026/DS-PT
Ngày 15 tháng 4 năm 2026
V/v: Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2026/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 277/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 553/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông K, C-Fu, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: 5F., N.222, L., Sanmin D, K, T1; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Ngọc T2, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Minh T3, sinh năm 1997; cùng địa chỉ cư trú: Số E đường T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy ủy quyền ngày 12/10/2020 do Đ tại Philippines chứng thực; bà T2 vắng mặt, bà T3 có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: A Lytton Close Northolt L UB5 5BU United Kingdom; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị D1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh năm 1993; cùng địa chỉ cư trú: Số E đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy ủy quyền lập ngày 16/9/2024 tại Đ tại Vương quốc A và B-len; cùng có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lưu Thị Bích D3, sinh năm 1985 và ông Lưu Ngọc N1, sinh năm 1980, là Luật sư của Công ty L1 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; cùng có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị D1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Mỹ D2, sinh năm 1993; cùng địa chỉ cư trú: Số E đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông K, C - F là Nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Mỹ L là Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, vụ án được tóm tắt lại như sau:

- *Theo nguyên đơn là ông K, C-Fu do bà Nguyễn Minh T3 đại diện trình bày:*

Ông K, C - F quen biết với bà Nguyễn Thị Mỹ L tại thành phố M, Philippines. Vào tháng 01/2018, ông C - F cho bà L vay 14.000 USD để gửi về Việt Nam chữa bệnh cho mẹ của bà L; cụ thể, ông C - F1 đưa trực tiếp cho bà L 10.000 USD vào ngày 29/01/2018 và 4000 USD vào ngày 30/01/2018. Cũng trong tháng 01/2018, ông C - F còn cho bà L vay số tiền 167.000 PHP (P), tương đương với 3.441 USD, để làm visa lao động 9G ở Philippines. Tháng 02/2018, ông C - F tiếp tục cho bà L vay 800 USD để gửi về cho gia đình. Tháng 3/2018, ông C - F cho bà L vay 500 USD để mua sắm cá nhân. Ngày 23/4/2018, ông C - F chuyển vào tài khoản của bà D2 (là em của bà L) số tiền 2.300 USD để chuyển cho bà L vay. Tháng 5/2018, ông C - F cho bà L vay 2.000 USD. Tháng 6/2018, ông C - F đưa cho bà L vay 1.800 USD để gửi về cho gia đình và 1.000 USD để đặt cọc chỗ làm mới.

Khoảng đầu tháng 5/2018, bà L chia sẻ với ông C - Fu về đầu tư bất động sản ở Việt Nam có lợi nhuận nhưng nhờ em gái là bà Nguyễn Thị Mỹ D2 đứng tên giùm. Thông qua tìm hiểu của bà D2, bà L trao đổi với ông C - Fu rằng có một lô đất diện tích 100m² tọa lạc tại huyện C, tỉnh Long An đang bán với giá 1.100.000.000 đồng. Ông C - F đồng ý đầu tư và gửi tiền để nhận chuyển nhượng lô đất trên, cụ thể như sau:

Ngày 8/5/2018, ông C - Fu chuyển 5.000 USD vào tài khoản số 190 316 400 95011 của bà Nguyễn Thị Mỹ D2 mở tại Ngân hàng TMCP T4 - Chi nhánh H để đặt cọc nhận chuyển nhượng đất. Ngày 21/5/2018, ông C - F1 tiếp

tục đưa 37.000 USD cho bà L để bà mang về Việt Nam giao cho bà D2. Tại Giấy xác nhận ngày 25/6/2018, bà L xác nhận đã nhận số tiền từ ông C - Fu để nhận chuyển nhượng đất ở Long An với giá 1.100.000.000 đồng và để cho bà Nguyễn Thị Mỹ D2 đứng tên. Theo Vi bằng ghi nhận cuộc nói chuyện giữa ông C - F và bà L vào ngày 29/7/2018 tại nhà riêng của ông C - Fu có nội dung: Bà L thừa nhận có nhận 42.000 USD để mua đất hộ cho ông C-Fu; tổng các lần vay tiền và tiền nhận mua đất giùm trên sẽ chuyển thành khoản nợ vay là 65.000 USD. Bà L cũng đã hai lần xác nhận sẽ trả lại cho ông C - Fu số tiền này.

Nay ông K, C - Fu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả số tiền 65.000 USD được quy đổi ra tiền Việt Nam là 1.560.000.000 đồng cùng với tiền lãi chậm trả tạm tính từ tháng 10/2019 hết tháng 4/2025 với số tiền là 871.000.000 đồng.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vi bằng về đoạn ghi âm và hình ảnh chụp tin nhắn do ông C - F1 cung cấp không được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không được xem là chứng cứ. Ông C - Fu không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà L đã nhận của ông C - Fu số tiền 67.841 USD nên không có cơ sở xác định đây là khoản vay của bà L với ông C - Fu. Đối với 5.300 USD mà ông C - Fu chuyển khoản vào tài khoản của bà D2 là tiền ông C - Fu cho mẹ của bà L để chữa bệnh. Tuy nhiên, nếu ông C - Fu đòi thì bà L trả nhưng tỷ giá quy đổi tính từ ngày nhận tiền là 22.507 đồng/USD. Bà L thừa nhận Tờ giấy viết tay lập ngày 25/6/2018 là do bà L lập nhưng trong tình trạng không tự nguyện mà do bị ép buộc. Bà L không thừa nhận mua đất giùm cho ông C - Fu ở Long An. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mỹ D2 và bà Bùi Thị D1 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ L. Ngoài ra, bà D1 và bà D2 cũng thừa nhận ông C - F đã chuyển vào tài khoản của bà D2 02 lần với số tiền 7.300 USD (2.300 USD + 5000 USD) nhưng cho rằng đây là khoản tiền ông C - Fu tặng cho bà D1 để chữa bệnh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 277/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

1. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của ông K, C-F: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L trả lại cho ông K, C-F số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng. Việc trả số tiền này được thực hiện theo Luật Thi hành án Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, C-F về việc buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số tiền vay 460.000.000 (bốn trăm sáu mươi triệu) đồng và tiền lãi chậm trả là 871.000.000 (tám trăm bảy mươi một triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, người đại diện theo ủy quyền của ông K, C - F kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, C - Fu giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông K, C - F1 trình bày ý kiến:

Theo Giấy xác nhận ngày 25/6/2018, bà L đã thừa nhận số tiền 1.100.000.000 đồng nhận từ ông C - Fu để nhận chuyển nhượng đất ở Long An và để cho bà Nguyễn Thị Mỹ D2 đứng tên. Vì bằng ghi nhận cuộc nói chuyện giữa ông C - F và bà Nguyễn Thị Mỹ L thực hiện ngày 29/7/2018 tại căn hộ của nguyên đơn ở M, theo đó nguyên đơn đã thực hiện công khai việc ghi âm cuộc nói chuyện này bằng điện thoại Iphone 7 có sự đồng ý của bà L và đã lập vi bằng để trích xuất đoạn ghi âm với nội dung bà L thừa nhận đã nhận 42.000 USD để nhận chuyển nhượng đất giùm cho ông K, C-F. Tổng các lần vay tiền và tiền nhận mua đất giùm trên sẽ chuyển thành khoản nợ vay 65.000 USD. Sau đó, bà L cũng đã hai lần xác nhận bà sẽ tự nguyện trả lại cho ông K, C-F 65.000 USD. Đây là các chứng cứ hợp pháp theo quy định tại Điều 93 và khoản 2 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C - F, buộc bà L phải trả số tiền 65.000 USD.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày quan điểm: Theo quy định tại Điều 93, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, những tài liệu ông C - Fu xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án không phải là chứng cứ của vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày ý kiến: Thống nhất với quan điểm trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo Giấy xác nhận ngày 25/6/2018, bà L đã thừa nhận số tiền 1.100.000.000 nhận từ ông C - Fu để nhận chuyển nhượng đất ở Long An và để cho bà D2 đứng tên. Bà L cho rằng bị ông C - Fu ép buộc ký vào giấy xác nhận trên nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền này là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông K, C - Fu do bà Nguyễn Minh T3 đại diện và đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L do bà Nguyễn Thị Mỹ D2 đại diện nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự như sau:

[3.1] Ông K, C - Fu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả số tiền 65.000 USD được quy đổi ra tiền Việt Nam là 1.560.000.000 đồng cùng với tiền lãi chậm trả tạm tính từ tháng 10/2019 hết tháng 4/2025 với số tiền là 871.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông C - Fu xuất trình chứng cứ gồm bản photocopy tin nhắn bằng tiếng Anh kèm theo bản dịch sang tiếng Việt giữa ông C - Fu và bà Nguyễn Thị Mỹ L và Vi bằng số 313/2025/VB-TPLQ10 ngày 22/4/2025 của Văn phòng T5. Tuy nhiên, bản photocopy tin nhắn bằng tiếng Anh được dịch sang tiếng Việt do ông C - Fu cung cấp không được bà L thừa nhận và ông C - Fu không chứng minh được nguồn gốc của các bức ảnh chụp tin nhắn này là có thật. Còn đối với Vi bằng số 313/2025/VB-TPLQ10 ngày 22/4/2025 của Văn phòng T5, bà L xác nhận không biết và không được ông C-Fu thông báo khi bắt đầu thực hiện việc ghi

âm cuộc trò chuyện; đồng thời, không thể xác định được nội dung ghi âm này thể hiện cuộc trò chuyện vào thời điểm nào? Giọng nói của người nam và nữ trong đoạn ghi âm có phải là của ông C - F và bà L hay không? Nội dung trò chuyện không đề cập đến việc hai bên thỏa thuận hoặc thông báo cho nhau về việc ghi âm hay cho phép ghi âm. Người nam giới trong đoạn ghi âm chỉ nói là đã ghi âm khi cuộc nói chuyện đã gần kết thúc. Bối cảnh cuộc trò chuyện không phải là cuộc trao đổi thương lượng với nhau; nội dung cuộc trò chuyện cũng không thể hiện rõ ràng, chính xác các khoản nợ là những khoản cụ thể nào và thời hạn trả. Căn cứ vào quy định tại Điều 94, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tài liệu do ông C - F cung cấp nêu trên không được xem là chứng cứ của vụ án. Vì vậy, ông C - F khởi kiện yêu cầu bà L phải trả tiền theo nội dung ghi nhận tại các tài liệu trên là không có căn cứ.

[3.2] Theo Tờ giấy viết tay bằng tiếng Anh lập ngày 25/6/2018, đã được Công ty TNHH T6 dịch sang tiếng Việt, có nội dung: *“Tôi là Nguyễn Thị Mỹ L.....Tôi đã nhận tiền từ ông Steven K và giúp ông ấy mua đất ở Long An, Việt Nam, giá ở thời điểm này là 1.100.000.000 VNĐ và do chị tôi Nguyễn Thị Mỹ D2 đứng tên. Tôi hứa rằng đất này thuộc về ông S, khi ông ấy muốn bán chúng tôi sẽ trả lại tất cả tiền và tiền lời tại thời điểm đó. Nếu tôi không giữ lời hứa tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật....”*. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà L xác nhận chữ viết và chữ ký trong Tờ giấy viết tay nêu trên là của bà L và người đàn ông tên Steven K chính là ông K, C – F nhưng cho rằng bà L bị ép buộc. Tuy nhiên, không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L trả cho ông K, C - F số tiền 1.100.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.3] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi, ông K, C - F không cung cấp được chứng cứ chứng minh giữa ông K, C - F và bà L có sự việc vay tiền có thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất nên không có cơ sở buộc bà L phải trả tiền lãi theo lãi suất chậm trả.

[3.4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C - F và kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự có kháng cáo phải chịu.

[5] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 277/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L do bà Nguyễn Thị Mỹ D2 đại diện; không chấp nhận kháng cáo của ông K, C - Fu do bà Nguyễn Minh T3 đại diện; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 277/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng: Điều 158, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K, C - F:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho ông K, C - Fu số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng. Việc giao nhận tiền được thực hiện theo Luật Thi hành án dân sự tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, C - F về việc buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L trả số tiền 460.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 871.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông K, C-Fu phải chịu 51.930.000 đồng, được trừ vào số tiền 29.400.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2019/0093032 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án Dân sự (nay là Thi hành án Dân sự) Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K, C-F1 còn phải nộp 22.530.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 45.000.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K, C-Fu phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0000990 ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Thi hành án Dân sự (nay là Thi hành án Dân sự) Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0000828 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Cục Thi hành án Dân sự (nay là Thi hành án Dân sự) Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 277/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thị hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT; HSVA - NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường